TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH B	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HSST
Ngày: 29 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Hiền

2. Ông Hoàng Văn Hán

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Minh Thắng- Thư ký Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn B;** Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 25/5/1980, tại tỉnh B.

Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện M, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12 phổ thông; Con ông: Lò Văn P, con bà: Tòng Thị Y; Vợ: Lò Thị K, con: Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (Có mặt).

2. Họ và tên: **Lò Văn T;** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 01/8/1980, tại tỉnh B.

Nơi cư trú: Bản X, xã B, huyện M, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12 phổ thông; Con ông: Lò Văn N (Đã chết), con bà: Lò Thị X (Đã chết); Vợ: Lò Thị P; Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2023, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 31/8/2023, sau khi ăn cơm xong tại khu vực tổ dân phố 02, phường T, thành phố B, B rủ T đi mua ma tuý về sử dụng, T đồng ý. Do không có tiền mua ma tuý, T và B đến chỗ anh Nguyễn Năng C (Trú tại: Thôn M, xã P, huyện T, thành phố H) để ứng tiền công, nói dối đi mua đồ sinh hoạt cá nhân, anh C đồng ý cho T, B ứng mỗi người 250.000 đồng, rồi đưa cho B 500.000 đồng. B cầm tiền cùng T đi mua thẻ điện thoại, nước uống, Tốc lá hết 150.000 đồng, còn lại 350.000 đồng cả hai cùng nhau đi tìm mua ma tuý về sử dụng. Khi đi đến cầu Mường Thanh, phường M, thành phố B, B và T gặp một người đàn ông không quen biết, người này hỏi B có mua ma tuý không, B đồng ý mua 350.000 đồng được 0,43 gam Heroine gói bằng nilon màu hồng. Mua được ma tuý B cầm trong lòng bàn tay phải rồi quay lại chỗ T đứng chờ cách khoảng 3m, bảo T mua được rồi, T hiểu B đã mua được ma tuý thì bảo B đi về. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai đi đến khu vực đường Nguyễn Hữu Thọ, thuộc tổ 01, phường T, thành phố B thì bị tổ công tác Công an phường M phối hợp với Công an thành phố B phát hiện, bắt quả tang, T giữ vật chứng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 04 giờ 00 phút, ngày 01/9/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và kết luận giám định số 1352/KL-KTHS ngày 07/9/2023 của Phòng kỹ Tật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: Các viên nén màu hồng gửi giám định T giữ của bị cáo Lò Văn B là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,43 gam.

Tại bản cáo trạng số 185/CT-VKS-TPĐBP ngày 13/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Lò Văn B, Lò Văn T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lò Văn B, Lò Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo Lò Văn B từ 16 tháng đến 19 tháng tù. xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch T tiêu hủy 0,31 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu hồng; Các bị

cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Lò Văn B, Lò Văn T không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của các bị cáo bị truy tố: Hồi 21 giờ 30 phút ngày 31/8/2023, tại khu vực tổ 01, phường Thanh Bình, thành phố B, Lò Văn B có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,43 gam Heroine, mục đích cùng Lò Văn T sử dụng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 21 giờ 40 phút ngày 31/8/2023, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 04 giờ 00 phút, ngày 01/9/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và kết luận giám định số 1352/KL-KTHS ngày 07/9/2023 của Phòng kỹ Tật hình sự, Công an tỉnh B.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với mục đích để sử dụng của các bị cáo Lò Văn B, Lò Văn T là phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, Lò Văn B, Lò Văn T phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51/BLHS. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để các bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Trong quá trình cùng nhau thực hiện tội phạm, các bị cáo B và T khi thực hiện hành vi phạm tội không có sự câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò trách nhiệm cụ thể nên các bị cáo phạm tội không có tổ chức. Bị cáo B là người khởi sướng và là người trực tiếp đi mua ma túy, nên là người thực hành và có vai trò chính. Bị cáo T góp tiền

cùng bị cáo B mua ma túy về sử dụng chung, là người thực hành có vai trò tích cực, nên cả hai bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng ma túy là 0,43 gam.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B truy tố các bị cáo Lò Văn B, Lò Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS, là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Các bị cáo là người nghiện ma túy, đều nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà các bị cáo đã tàng trữ thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch T một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là lao động tự do, T nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Đối với người đàn ông không quen biết đã bán ma túy cho B, bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Vật chứng: Đối với 0,31 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định) là vật nhà nước cấm tàng trữ, 01 mảnh nilon màu hồng, là vật không còn giá trị, cần tịch T tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn B phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Lò Văn B 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (31/8/2023).

- Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (31/8/2023).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch T tiêu hủy 0,31 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu hồng (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2023 giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B).*

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/11/2023).

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cụcTHADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành